TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN P** THÀNH PHỐ **H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 571/2021/KDTM-ST
Ngày: 31-12-2021
V/v tranh chấp về hợp đồng dịch vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN P
THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Trâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Xuân Thảo
2. Ông Hà Nguyễn Minh Nam

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân Quận P, Thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận P tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Phượng - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận P, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 0691/2020/TLST-KDTM ngày 5 tháng 10 năm 2020 về việc "Tranh chấp Hợp đồng dịch vụ" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 164/2021/QĐXX-KDTM ngày 18 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH V;

Địa chỉ: Lô 38 - 43 đường số 2, khu chế xuất Linh Trung II, Phường B, Thành phố T.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trần Thị Hồng T, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Giấy ủy quyền ngày 01/8/2020).

(Có mặt)

2. Bị đơn: Công ty TNHH A;

Trụ sở: 443/4A Phan Xích Long, Phường 2, Quận P, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Võ Văn Q, (Giám đốc Công ty TNHH A).

Địa chỉ: A.01.2 Chung cư Thủ Thiêm Star, đường 54, Phường Bình Trưng Đông, Thành phố T. Tp.H. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 8 năm 2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Trần Thị Hồng **T** trình bày:

Tháng 9 năm 2018 Công ty TNHH V và Công ty TNHH **A** ký kết hợp đồng tư vấn tuyển dụng, theo đó Công ty TNHH **A** có trách nhiệm tìm kiếm và cung cấp ứng viên cho TNHH V đối với 02 vị trí lao động là Giám đốc kỹ thuật/ Nghiên cứu và phát triển; Giám đốc đảm bảo chất lượng. Giá trị hợp đồng là 9.600 USD, thanh toán bằng đồng Việt Nam. Thực hiện hợp đồng, ngày 19/10/2018 TNHH V đã thanh toán 73.893.600 đồng cho Công ty TNHH **A**. Tuy nhiên sau đó Công ty TNHH **A** không thực hiện hợp đồng và cũng không hoàn trả số tiền trên cho TNHH V dù TNHH V đã nhiều lần yêu cầu Công ty TNHH **A** trả tiền. Nay TNHH V khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH **A** trả số tiền 73.893.600 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán từ ngày Công ty làm đơn khởi kiện là ngày 30/8/2020 đến ngày 31/12/201 là 16 tháng 01 ngày, chỉ yêu cầu tính 16 tháng với mức lãi suất là 10%/năm

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến về việc giải quyết vụ án là đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Công ty TNHH V khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH A trả số tiền dịch vụ phát sinh từ hợp đồng giữa các bên. Đây là vụ án kinh doanh thương mại do tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận. Bị đơn có địa chỉ trụ sở tại Quận P, căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận P, Thành phố H.

Về tố tụng: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại Điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2]Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả ngay số tiền nợ mua hàng là 73.893.600 đồng (bảy mươi ba triệu tám trăm chín mươi ba nghìn sáu trăm đồng) ngay khi bản án có hiệu lực.

Căn cứ hợp đồng dịch vụ ký kết giữa Công ty TNHH V và Công ty TNHH A vào tháng 9 năm 2018 về việc tuyển dụng Giám đốc kỹ thuật/ Nghiên cứu và phát triển; Giám đốc đảm bảo chất lượng, theo đó Công ty TNHH A có trách nhiệm tìm kiếm và cung cấp ứng viên cho TNHH V đối với 02 vị trí lao động là Giám đốc kỹ thuật/ Nghiên cứu và phát triển; Giám đốc đảm bảo chất lượng cho Công ty TNHH V. Phí tiêu chuẩn cho một vị trí là 20% của thù lao dự kiến của năm đầu tiên (bao gồm tổng lương hàng năm, tiền thưởng, các khoản phụ cấp cố định như ăn ở và đi lại).

Ước tính giá trị hợp đồng theo thù lao dự kiến là 60.000 USD cho cả 02 vị trí là 16% (60.000 USD), cụ thể 9.600 USD, thanh toán bằng đồng Việt Nam, thanh toán theo phương thức làm 03 đợt:

Đợt 1: 3.168 USD (tương đương 33% phí trả trước) khi ký hợp đồng tuyển dụng;

Đợt 2: 3.168 USD (tương đương 33% phí trả trước) khi A giới thiệu các ứng viên trong danh sách rút gọn cho cả hai vị trí (4 ứng viên cho mỗi vị trí);

Đợt 3: đợt 3 sẽ được tính khi hoàn thành nhiệm vụ…

Thực hiện hợp đồng, ngày 18/9/2018 Công ty TNHH A đã xuất hóa đơn và yêu cầu thanh toán trong thời gian 14 ngày (bút lục 72), đến 19/10/2018 TNHH V đã thanh toán 73.893.600 đồng cho Công ty TNHH A (bút lục 73). Tuy nhiên sau đó Công ty TNHH A không thực hiện hợp đồng và cũng không hoàn trả số tiền trên cho Công ty TNHH V dù Công ty TNHH V đã nhiều lần yêu cầu Công ty TNHH A trả tiền, vi phạm theo thỏa thuận trong hợp đồng dịch vụ và vi phạm nghĩa vụ của bên cung ứng dịch vụ quy định tại Điều 79 Luật Thương mại năm 2005. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Đối với yêu cầu tính lãi do chậm thanh toán, đại diện nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm thanh toán đối với số tiền 73.893.600 đồng, từ ngày Công ty làm đơn khởi kiện là ngày 30/8/2020 đến ngày 31/12/201 là 16 tháng 01 ngày, chỉ yêu cầu tính 16 tháng với mức lãi suất là 10%/năm. Căn cứ Điều 306 Luật Thương mại năm 2005 thì bên bị vi phạm có quyền yêu cầu tính lãi do chậm thanh toán theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường, đại diện nguyên đơn yêu cầu mức lãi do là 10%/năm x 73.893.600 đồng x 16 tháng là 9.813.070 đồng là phù

hợp với quy định của pháp luật. Tổng cộng số tiền gốc và lãi bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là 83.706.670 đồng.

[3] Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến về việc giải quyết vụ án là đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

[4] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 83.706.670 đồng, được chấp nhận toàn bộ, nên theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại với mức thu là (5% (83.706.670 đồng) 4.185.333 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 79 và Điều 306 Luật Thương mại năm 2005; Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc áp dụng một số quy định pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án,

1. Buộc Công ty TNHH A trả cho Công ty TNHH V số tiền 83.706.670 đồng (tám mươi ba triệu bảy trăm lẻ sáu nghìn sáu trăm bảy mươi đồng). Thi hành một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định Điều 306 Luật Thương mại năm 2005.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

+ Công ty TNHH A phải nộp án phí là 4.185.333 đồng (bốn triệu một trăm tám mươi lăm nghìn ba trăm ba mươi ba đồng).

+ Hoàn lại cho Công ty TNHH V số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 2.186.000 đồng theo biên lai thu số AA/2019/0019284 ngày 01 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận P.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.PN;
- Những người tham gia tố tụng;
- THADS Q.QPN;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Ngọc Trâm